CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Mẫu số B 01a - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**490.061.536.953**	**593.866.567.805**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**105.726.739.973**	**75.505.746.726**
1. Tiền	111		103.726.739.973	75.505.746.726
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**0**	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**155.784.966.316**	**248.585.091.639**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		105.175.933.255	229.754.222.347
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.063.676.261	8.116.054.525
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.075.592.807	0
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		14.469.763.993	10.714.814.767
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	**140**		**223.508.728.292**	**269.200.938.934**
1. Hàng tồn kho	141		223.531.093.770	269.223.304.412
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-22.365.478	-22.365.478
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5.041.102.372**	**574.790.506**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.474.941.634	574.790.506
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.321.580.241	
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		2.240.580.497	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		0	
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		4.000.000	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**258.290.378.485**	**258.399.862.876**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**0**	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	
II. Tài sản cố định	**220**		**229.638.929.828**	**211.192.787.785**
1. TSCĐ hữu hình	221		224.170.591.770	205.698.047.750
- Nguyên giá	222		393.629.775.804	373.014.087.058

Scanned with CamScanner